

Số: 04/TTtr-HĐQT/ALS

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2016

TỜ TRÌNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ
của Công ty Cổ phần Logistics Hàng không**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Logistics Hàng không

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Logistics Hàng không được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23/7/2015,

Nhằm cập nhật, đáp ứng các quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, đồng thời cụ thể hóa, sửa đổi và bổ sung một số quy định cho phù hợp với mô hình, cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Điều lệ Công ty sửa đổi tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

Chi tiết Điều lệ sửa đổi và các nội dung sửa đổi được gửi kèm Tờ trình này.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT, TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phùng Tiến Toàn

MỘT SỐ ĐIỂM ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH TẠI ĐIỀU LỆ

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Nội dung được sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
1.	I	Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	Giải thích từ ngữ trong Điều lệ	Dùng cụm từ “Giải thích từ ngữ” thay cho cụm từ “Định nghĩa các thuật ngữ”	Cách diễn giải mới phù hợp hơn với nội dung của mục 1.
2.	Tiêu đề Điều 3 và Khoản 1 Điều 3	Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Công ty 1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là các lĩnh vực mà pháp luật không cấm kinh doanh, trong đó tập trung vào lĩnh vực phục vụ hàng hóa hàng không, đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ logistics khác, dịch vụ phi hàng không (nhà hàng, khách sạn, thương mại,...).	Điều 3: Mục tiêu hoạt động, ngành, nghề kinh doanh của Công ty 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là các ngành, nghề mà pháp luật không cấm kinh doanh, trong đó tập trung vào lĩnh vực phục vụ hàng hóa hàng không, đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ logistics khác, dịch vụ phi hàng không (nhà hàng, khách sạn, thương mại,...). Chi tiết ngành, nghề kinh doanh nêu tại Phụ lục đính kèm Điều lệ này.	1. Thêm từ “Ngành nghề kinh doanh” vào tiêu đề Điều 3 2. Thay từ “lĩnh vực” bằng từ “ngành nghề” 3. Bổ sung nội dung chi tiết về ngành nghề tại Phụ lục đính kèm Điều lệ	Thể hiện ngành nghề là 1 trong những nội dung bắt buộc phải có trong Điều lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 25 LDN. Ngành nghề cũng là 1 nội dung thuộc thẩm quyền thông qua của DHDCE theo quy định tại Điểm b khoản 1 Điều 144 LDN
3.	Khoản 6, Điều 5	Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.	Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị quyết định việc chào bán cổ phiếu quỹ này theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.	Sử dụng cụm từ “quyết định việc chào bán cổ phiếu quỹ này” thay cụm từ “có thể”	Làm rõ nghĩa của nội dung Khoản 6, Điều 5
4.	Điểm a và b, Khoản 4, Điều 11	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau: a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau: a. Đề cử các ứng viên Hội đồng	- Sửa “khoản 2 Điều 24 và khoản 2 Điều 32” thành “khoản 3, Điều 25 và khoản 5, Điều 34”	Điều lệ hiện hành trích dẫn không đúng

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Nội dung được sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp;	quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 3 Điều 25 và khoản 5 Điều 34 Điều lệ này; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 114 và khoản 3 Điều 156 Luật Doanh nghiệp;	- Sửa "Điều 79 và Điều 97" thành " Khoản 3, Điều 114 và khoản 3, Điều 156 "	
5.	Điểm a, Khoản 4 Điều 13	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;	- Đổi từ 30 ngày thành 60 ngày	- Điều chỉnh theo quy định tại điểm a, Khoản 3, Điều 156 Luật DN
6.	Điểm e, Khoản 3, Điều 13	Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng	Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng người quản lý Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có	- Thay cụm từ "thành viên HĐQT hoặc cán bộ quản lý cấp cao" bằng từ " người quản lý Công ty ". - Thay Điều 119 bằng Điều 160	- Điều lệ không có thuật ngữ " cán bộ quản lý cấp cao ". Điều lệ chỉ quy định " người quản lý Công ty " bao gồm: Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, TGD và Phó TGD. - Điều 160 Luật DN thể hiện nội dung phù hợp với Điểm e, Khoản 3, Điều 13

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Nội dung được sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;		
7.	Điểm c, Khoản 4, Điều 13	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường b. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty. Đồng thời, trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty. Đồng thời, trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 11 Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.	- Thay cụm từ “có yêu cầu quy định tại điểm d, Khoản 3 Điều này” bằng cụm từ “quy định tại khoản 4, Điều 11 Điều lệ này”.	- Theo Khoản 6, Điều 136 Luật DN thì bất kỳ cổ đông/nhóm cổ đông nào sở hữu trên 10% cổ phần với thời hạn trên 6 tháng thì đều có quyền thay thế HĐQT, BKS để triệu tập họp DHDCTD. - Việc có sử dụng cụm từ “có yêu cầu” có thể dẫn đến việc hiểu là chỉ có nhóm cổ đông yêu cầu mới được triệu tập DHDCTD - Sử dụng trích dẫn “Khoản 4, Điều 11” chính xác hơn sử dụng trích dẫn “điểm d khoản 3 Điều này”
8.	Điểm d, Khoản 4, Điều 13	Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại	Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 4 Điều này được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	Bổ sung thêm cụm từ “quy định tại khoản 4 Điều này”	Thực hiện theo quy định của Luật DN tại khoản 8 Điều 136
9.	Điểm b, Khoản 1, Điều 14	Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:	Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:	Thay cụm từ “nhưng không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã	Điều chỉnh theo quy định của Luật DN tại điểm o khoản 2 Điều 149. Theo đó HĐQT có

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Nội dung được sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần nhưng không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;	b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần trên cơ sở kiến nghị của HĐQT;	tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông” bằng cụm từ “trên cơ sở kiến nghị của HĐQT”	nghĩa vụ “kiến nghị mức cổ tức được trả” và DHCĐ căn cứ kiến nghị của HĐQT để quyết định.
10.	Điểm c, Khoản 1, Điều 14	Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây: c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;	Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây: c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên. d. Thông qua tổng số tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;	Tách ý của điểm c Khoản 1 Điều 14 thành điểm c và điểm d	Làm rõ nghĩa của điểm c Khoản 1 Điều 14
11.	Điểm d, Khoản 1, Điều 14	Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây: d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;	Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây: d. Quyết định đầu tư tài sản hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;	Thêm từ “tài sản”	Làm rõ nghĩa của điểm d Khoản 1 Điều 14
12.	Điểm j, Khoản 1, Điều 14	Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây: j. Lựa chọn Công ty kiểm toán;	Bỏ điểm j, có nghĩa là DHCĐ không quyết định việc lựa chọn Công ty kiểm toán. Giao việc lựa chọn Công ty kiểm toán cho HĐQT quyết định trên cơ sở kiến nghị của Ban Kiểm soát. Nội dung		- Luật DN không quy định rõ về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thuộc quyền của DHCĐ hay HĐQT. - Đề đảm bảo tính loạt và

22A

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Nội dung được sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			chỉ tiết quy định quyền lựa chọn Công ty kiểm toán thể hiện tại điểm r Khoản 2 Điều 24 (Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT)		khách quan, kiến nghị DHCĐ thông qua việc quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán thuộc quyền của HĐQT. HĐQT sẽ quyết định trên cơ sở kiến nghị của Ban kiểm soát. Điều này cũng phù hợp với Điều 46 Điều lệ hiện hành
13.	Điểm k, Khoản 1 Điều 14	Các Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm	Các Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm	Thay đổi số 20% thành 35%	- Điều chỉnh phù hợp với khoản 3 Điều 162 Luật DN
14.	Điểm b Khoản 4 Điều 14	Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: b. Thông qua các hợp đồng quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;	Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: b. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 3 Điều 35 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng.	Thay cụm từ “điểm 1 Khoản 1 Điều này” bằng cụm từ khoản 3 Điều 35 Điều lệ này”	- Điều lệ hiện hành trích dẫn không đúng
15.	Khoản 4, Điều 15	Khoản 3 Điều này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nêu tại điểm a, b khoản 3 Điều này trước bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 3 Điều này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nêu tại điểm a, b khoản 3 Điều này từ 48 giờ trở lên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	- Thay cụm từ “trước bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc” bằng cụm từ “từ 48 giờ trở lên trước giờ khai mạc”	- Làm rõ nghĩa Khoản 4 Điều 15

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Nội dung được sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
16.	Khoản 1 Điều 16	Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 2, 3 Điều 13 Điều lệ này	Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 2, 3 Điều 13 Điều lệ này hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.	- Bổ sung nội dung “hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 13 Điều lệ này”	- Quy định đầy đủ hơn về các trường hợp họp DHCĐ
17.	Điểm Khoản 2, Điều 16	Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 15 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành họp theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp;	Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông có quyền dự họp không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp (tức giấy mời họp) theo quy định tại khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;	- Thay cụm từ “chậm nhất 15 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành họp” bằng cụm từ “không sớm hơn 5 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp”	- Cập nhật phù hợp với Luật DN tại Khoản 1, Điều 137. Theo đó Doanh nghiệp chốt danh sách cổ đông càng sát ngày mời họp càng tốt
18.	Khoản 7, Điều 16	Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến khoản 4 Điều 17 nếu thuộc một trong các trường hợp sau:	Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến khoản 5 Điều 16 nếu thuộc một trong các trường hợp sau:	- Sửa khoản 4, Điều 17 thành khoản 5 Điều 16	- Điều lệ hiện hành trích dẫn không đúng - Không có khoản 4 Điều 17 trong Điều lệ hiện hành
19.	Khoản 8 Điều 16	Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không	Bỏ khoản này		- Vi trùng với Khoản 2 Điều 23

Handwritten signature/initials

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Nội dung được sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		có trong chương trình.			
20.	Khoản 2 Điều 18	Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.	Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến; hoặc cách thức khác nêu tại Quy chế làm việc do Đại hội đồng cổ đông quy định trong từng thời kỳ. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.	- Bổ sung nội dung “hoặc cách thức khác nêu tại Quy chế làm việc do Đại hội đồng cổ đông quy định trong từng thời kỳ”	- Tăng sự linh hoạt đối với việc biểu quyết tại cuộc họp DHDCTD
21.	Khoản 4 Điều 19	Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.	Các nghị quyết về các nội dung khác với trường hợp quy định tại khoản 3. 5 Điều này, khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.	- Bổ sung cụm từ “về các nội dung khác với trường hợp quy định tại khoản 3. 5 Điều này, khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp”	- Làm rõ quy định tại Khoản 4 Điều 19
22.	Khoản 5, Điều 19	Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.	Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành	- Thay cụm từ “của tất cả cổ đông dự họp” bằng cụm từ “tán thành”	- Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản sẽ không có cổ đông tham dự họp
23.	Khoản 8 Điều 20	Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ	Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc	- Bổ cụm từ “phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có	- Nội dung kiến nghị bỏ đã có tại Khoản 5 Điều 19

27/5

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Nội dung được sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	họp Đại hội đồng cổ đông.	quyền biểu quyết chấp thuận và “	
24.	Điều 24	Chưa có	Bổ sung nội dung phân định quyền của HĐQT như sau: i. Quyết định đầu tư tài sản hoặc bán tài sản có giá trị từ 2 tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.	-	- Phân định rõ thẩm quyền của TGD, HĐQT và DHHCD trong việc quyết định đầu tư
25.	Điểm 1, Khoản 2, Điều 24	Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau: j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyết định tiền lương và quyền lợi khác của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng các Trung tâm, Ban và tương đương; ký hợp đồng lao động, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đại diện theo ủy quyền này;	Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau: j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng các Trung tâm, Ban và tương đương; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của TGD, Phó TGD; ký hợp đồng lao động, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác; ký hợp đồng trách nhiệm và quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đại diện theo ủy quyền này;	- HĐQT không quyết định tiền lương của Trưởng trung tâm, Ban và tương đương - HĐQT ký hợp đồng trách nhiệm với Người đại diện theo ủy quyền	- TGD là người thường xuyên làm việc với các Trưởng đơn vị nên đánh giá chính xác hơn từ đó quyết định việc trả lương cũng phù hợp hơn. - HĐQT ký hợp đồng với Người đại diện theo ủy quyền nhằm làm rõ quyền hạn và trách nhiệm của những người này trong quản lý vốn tại doanh nghiệp có vốn góp/cổ phần của Công ty.

12/10

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Nội dung được sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
26.	Điểm p, Khoản 2, Điều 24	Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau: p. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;	Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau: q. Quyết định bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác	Bổ sung từ “Quyết định” và bỏ từ “việc mua”	- Thể hiện thẩm quyền của HĐQT. Cách viết hiện tại không rõ HĐQT làm gì - Bỏ từ “việc mua” vì việc mua đã quy định tại Điểm 1, Khoản 2, Điều 24
27.	Điểm q, Khoản 2, Điều 24	Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau: q. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;	Bỏ nội dung này		Nội dung này bỏ vì chỉ đúng với doanh nghiệp mới thành lập và công ty TNHH, công ty hợp danh (sau khi đã thành lập xong, đang hoạt động). Còn CTCP sau khi đi vào hoạt động thì chỉ có thể tăng vốn điều lệ bằng 1 trong các cách: Phát hành và chào bán cổ phần (theo khoản 1 Điều 122, 123, 124LDN) vì khoản 1 Điều 111 LDN định nghĩa vốn điều lệ của CTCP là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại.
28.	Khoản 24 Điều 24	Chưa có	Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau: r. Quyết định lựa chọn công ty kiểm toán trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát;	-	- Phù hợp với kiến nghị số 12 ở trên
29.	Điểm j, Khoản 2,	Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau đây nhưng phải thông báo cho	Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau đây nhưng phải thông báo cho	Bỏ nội dung này - Quyết định việc cử, ủy	- Việc quyết định cử, ủy quyền, thay đổi, miễn

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Nội dung được sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
	Điều 27	các thành viên Hội đồng quản trị biết về những quyết định tại cuộc họp Hội đồng quản trị phiên gần nhất: Quyết định việc cử, ủy quyền, thay đổi, miễn nhiệm người đại diện theo ủy quyền của Công ty (tức căn bộ quản lý vốn hay người đại diện phần vốn góp/ cổ phần của Công ty tại các doanh nghiệp khác) trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc; quyết định việc giao nhiệm vụ và chỉ đạo các cá nhân này bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty tại các doanh nghiệp tương ứng; thực hiện các biện pháp để bảo toàn và phát triển vốn của Công ty đầu tư vào các doanh nghiệp đó;	các thành viên Hội đồng quản trị biết về những quyết định tại cuộc họp Hội đồng quản trị phiên gần nhất: Quyết định việc giao nhiệm vụ và chỉ đạo người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại các doanh nghiệp khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty tại các doanh nghiệp tương ứng, thực hiện các biện pháp để bảo toàn và phát triển vốn của Công ty đầu tư vào các doanh nghiệp đó;	quyền, thay đổi, miễn nhiệm người đại diện theo ủy quyền của Công ty (tức căn bộ quản lý vốn hay người đại diện phần vốn góp/ cổ phần của Công ty tại các doanh nghiệp khác) trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc;	nhiệm người đại diện theo ủy quyền thuộc HĐQT không phải của Chủ tịch HĐQT. Điểm j, Khoản 2, Điều 27 mâu thuẫn với điểm j, Khoản 2, Điều 24 Điều lệ hiện hành
30.	Khoản 7 Điều 29	Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (03) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố	Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.	Bỏ nội dung “Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (03) ngày trước khi tổ chức họp” Sắp xếp lại nội dung cho rõ nghĩa hơn	Nội dung kiến nghị bỏ trùng với Khoản 2 Điều 29

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Nội dung được sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		những thành viên không thể dự họp.			
31.	Khoản 18, Điều 29	1. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót về hình thức, thủ tục.	Bỏ nội dung Khoản 8, Điều 29 Điều lệ hiện hành	-	- Không có cơ sở pháp lý để thực hiện. Mặt khác tiểu ban chỉ là đơn vị giúp việc cho HĐQT như bao đơn vị khác trong Công ty, quyết định chỉ có giá trị trong nội bộ Công ty chứ không có giá trị pháp lý với bên thứ 3
32.	Khoản 5, Điều 31	Quyền và nghĩa vụ của TGD Đề xuất đề Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyết định mức tiền lương/ thù lao và các quyền lợi khác với các chức danh Phó Tổng Giám đốc, Trưởng các Trung tâm, Ban và tương đương, người đại diện theo ủy quyền của Công ty.	Quyền và nghĩa vụ của TGD Đề xuất đề Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Phó Tổng Giám đốc, Trưởng các Trung tâm, Ban và tương đương, người đại diện theo ủy quyền của Công ty; trình HĐQT quyết định mức tiền lương/thù lao và các quyền lợi đối với các chức danh Phó TGD người đại diện theo ủy quyền.	- TGD không đề xuất HĐQT quyết định mức lương/thù lao đối với Trưởng trung tâm, Ban và tương đương. Việc này sẽ do TGD sẽ quyết định.	- TGD là người thường xuyên làm việc với các Trưởng đơn vị nên đánh giá chính xác hơn từ đó quyết định việc trả lương cũng phù hợp hơn.
33.	Điều 35	Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận	Cần có sự thống nhất nội dung giữa Điều 35 và Điểm k, Khoản 1, Điều 14	-	- Mâu thuẫn về giá trị hợp đồng thuộc thẩm quyền của DHCĐ - Nên theo quy định tại Điều 162 Luật DN
34.	Điều 48	Điều 48. Chấm dứt hoạt động 1. Công ty chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật;	Điều 48. Chấm dứt hoạt động 1. Công ty chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật;	- Bỏ nội dung “Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định Hội đồng quản trị thực hiện” trong khoản 2 Điều 48 Điều lệ	- Trùng với điểm b Khoản 1 Điều 48 Điều lệ hiện hành

[Handwritten signature]

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Nội dung được sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		b. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.	b. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 2. Quyết định giải thể phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.		
35.	Khoản 1 Điều 49	Điều 49. Thanh lý 1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chỉ phi liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.	Điều 49. Thủ tục giải thể, thanh lý tài sản 1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ít nhất ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên khác (nếu có) của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập.	- Thay đổi tên tiêu đề Điều 49 - Thêm từ “ít nhất” - Bỏ nội dung “Tất cả các chỉ phi liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.”	- Thực hiện thứ tự thanh toán các khoản nợ theo quy định tại khoản 5 Điều 202 Luật DN. - Doanh nghiệp không được quyền quy định khác
36.	Khoản 2 Điều 49	Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập	Việc giải thể sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.	- Thay đổi toàn bộ nội dung của Khoản 2 Điều 49	- Nội dung hiện hành không phù hợp với khoản 7 Điều 202 Luật DN.

Chữ ký

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Nội dung được sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.			- Trường hợp có Ban thanh lý thì Ban này sẽ có nhiệm vụ giúp HĐQT tổ chức việc thanh lý tài sản Công ty như quy định tại Khoản 2 Điều 202 Luật DN - Nên ghi như nội dung đề xuất sửa đổi bởi việc giải thể sẽ phải tuân theo các quy định khác như được quy định tại Khoản 9, Điều 202 Luật DN
37.	Khoản 3 Điều 29	Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau: d. Các chi phí thanh lý; e. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên; f. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước; g. Các khoản vay (nếu có); h. Các khoản nợ khác của Công ty; i. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ điểm (a) đến (e) khoản này được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.	Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau: a. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; b. Các khoản nợ Thuế; c. Chi phí thanh lý; d. Các khoản nợ khác của Công ty e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nêu từ điểm (a) đến (d) khoản này được phân chia cho các cổ đông. Các cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước	- Thay đổi lại nội dung và thứ tự ưu tiên chi trả các khoản nợ sau thanh lý	- Cập nhật theo Khoản 5 Điều 202 Luật DN



STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Nội dung được sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
38.	Điều 50	Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ	Điều 50. Phá sản doanh nghiệp	- Bổ sung Điều 50: Phá sản doanh nghiệp - Điều 52 Hiện hành chuyển thành Điều 51	- Làm cho Điều lệ đầy đủ nội dung hơn
39.			Một số lỗi chính tả khác		

Chữ ký